TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS-ST
Ngày 04 - 5- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bá Thương;

Bà Phan Thị Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 45 đường L, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà H D Kpơr, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th và người đại diện theo ủy quyền của bà Th là ông Phan Thanh H trình bày:

Do có quen biết với nhau nên bà Th có cho bà H D vay các số tiền như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 10/8/2017 bà Th cho bà H D vay số tiền là 70.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận bằng lới nói là 1%/tháng. Bà Th đã giao số tiền trên cho bà H D vay và bà H D có viết giấy vay ngày 10/8/2017 cho bà Th để làm tin và hẹn bà Th đến ngày 08/9/2017 bà H D sẽ trả số tiền là 30.000.000 đồng, số tiền còn lại đến ngày 30/11/2017 bà H D sẽ trả hết cho bà Th. Tuy nhiên, đến ngày 09/9/2017 bà H D mới trả được cho bà Th 30.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H D không tiếp tục trả cho bà Th.

- Lần thứ hai: Vào ngày 26/9/2017 bà Th cho bà H D vay tiếp số tiền là 135.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 01 tháng và lãi suất là 1%/tháng. Bà Th đã giao số tiền trên cho bà H D vay và bà H D có viết giấy nhận nợ ngày 26/9/2019 cho bà Th để làm tin.

- Lần thứ ba: Vào ngày 09/11/2017 bà Th tiếp tục cho bà H D vay số tiền là 50.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói thời hạn vay là 10 ngày và lãi suất là 1%/tháng. Bà Th đã giao số tiền trên cho bà H D vay và bà H D có viết giấy nhận nợ cho bà Th để làm tin.

Cả ba lần vay trên bà H D không thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho bà Th để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, khi các hợp đồng vay đến hạn trả nợ nhưng bà H D không trả được nợ cho bà Th như đã cam kết. Mặc dù các số nợ trên đã quá hạn và bà Th đã rất nhiều lần đi đòi nhưng bà H D vẫn cố tình trốn tránh không chịu trả nợ cho bà Th. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi cho mình bà Th khởi kiện yêu cầu bà H D phải có nghĩa vụ trả cho bà Th số tiền gốc của ba lần vay là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Bà Th xác nhận bà H D đã trả được cho bà Th 4.500.000 đồng tiền lãi nhưng không biết là tiền lãi của khoản vay nào trong ba khoản vay trên nên bà Th đồng ý khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi cho bị đơn.

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bà H D trả cho bà Th số tiền gốc của ba khoản vay là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của hai khoản vay ngày 10/8/2017 và ngày 09/11/2017 theo lãi suất quy định của pháp luật

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2020 bị đơn là bà H D Kpơ trình bày:

Bà H D xác nhận có vay tiền của bà Th hai lần cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 10/8/2019 bà H D vay của bà Th 70.000.000 đồng để đi buôn Cau, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói là 4000 đồng/01 triệu/ngày, thời hạn vay thỏa thuận đến ngày 08/9/2017 trả trước 30.000.000 đồng và đến ngày 30/11/2017 sẽ trả hết số tiền còn lại là 40.000.000 đồng, còn tiền lãi thì cứ 10 ngày bà H D trả cho bà Th 01 lần. Đến ngày 09/9/2017 bà H D đã trả được cho bà Th 30.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 40.000.000 đồng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 09/11/2017 bà H D tiếp tục vay của bà Th số tiền 50 triệu đồng cũng để mục đích là đi buôn Cau, hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 4000 đồng/01triệu/ngày và thời hạn trả nợ đến hết tháng 12 (tức vào ngày 31/12/2017) sẽ trả số tiền nêu trên. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà H D chưa trả được cho bà Th số tiền vay

gốc, còn tiền lãi thì cứ 10 ngày bà H D trả cho bà Th một lần.

Hiện nay bà H D đã trả được cho bà Th tổng cộng là 24.500.000 đồng tiền lãi của hai khoản vay trên, một lần là vào tháng 02 năm 2008 trả 2.000.000 đồng, còn lại bà H D trả lắc nhắc cho bà Th nhiều lần là 22.500.000 đồng nhưng là vì chỗ bạn bè với nhau nên khi trả tiền bà H D không làm giấy tờ gì và cũng không có ai chứng kiến. Đối với số tiền 135.000.000 đồng vay ngày 26/9/2017 bà H D xác nhận có ký giấy vay của bà Th số tiền này nhưng bà H D không nhớ rõ được là tiền gì. Nay bà Th khởi kiện yêu cầu trả nợ thì bà H D xin được trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng vì bà H D không có tài sản gì để bán trả nợ và đang còn phải nuôi con nhỏ.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 463, 466, 468 và Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H D Kpơr phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th số tiền gốc là 225.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của các khoản vay ngày 10/8/2017 và ngày 09/11/2017 theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn là bà H D Kpơr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về tiền gốc: Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và Giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện vào các ngày 10/8/2017 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 70.000.000 đồng thời hạn trả nợ như sau: Ngày 08/9/2017 trả 30.000.000 đồng và số tiền còn lại đến ngày 30/11/2017 bị đơn sẽ trả hết cho nguyên đơn. Tuy nhiên khi đến hạn thanh toán bị đơn chỉ trả được cho nguyên đơn 30.000.000 đồng vào ngày 09/9/2017, đối với số tiền còn lại 40.000.000 đồng bị đơn không tiếp tục trả cho nguyên đơn theo như thỏa thuận. Tiếp đến vào ngày 09/11/2017 bị đơn vay tiếp của nguyên đơn 50.000.000 đồng, thời hạn trả nợ theo xác định của bị đơn là đến hết tháng 12/2017 (tức vào ngày 31/12/2017) nhưng khi đến hạn thanh toán bị đơn vẫn không trả được nợ cho nguyên đơn. Như vậy, cả hai khoản vay trên đều quá hạn trả nợ nhưng bị đơn không trả được nợ cho nguyên

đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Ngoài ra, vào ngày 26/9/2017 bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 135.000.000 đồng, khoản vay này hai bên có làm giấy viết tay với nhau nhưng không xác định rõ thời hạn trả nợ nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả số tiền này vào tháng 11 năm 2019 nhưng bị đơn không trả cho nguyên đơn số tiền nào. Vì vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy các khoản nợ trên đã quá hạn thanh toán nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 225.000.000 đồng của ba hợp đồng vay tiền trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về tiền lãi: Căn cứ các giấy vay tiền ngày 10/8/2017 và ngày 09/11/2017 thể hiện nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất vay là bao nhiêu phần trăm/tháng. Nguyên đơn bà Th khai lãi suất vay thỏa thuận bằng lời nói là 1% tháng, còn bị đơn bà H D khai lãi suất là 4.000 đồng/01 triệu đồng /ngày. Như vậy, có cơ sở xác định khi vay các bên có thỏa thuận về trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và các bên có tranh chấp về lãi suất, nay nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để xác định số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau:

[3.1] Tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng vay ngày 10/8/2017:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 10/8/2017 đến ngày 08/9/2017 là 28 ngày = [70.000.000 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 28 ngày] = 536.986 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 09/9/2017 đến ngày 30/11/2017 là 02 tháng 21 ngày = [40.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 02 tháng + 40.000.000 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 21 ngày] = 896.804 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 04/5/2020 là 02 năm 05 tháng 03 ngày = [1.433.790 đồng x 10%/năm x 02 năm + 1.433.790 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 05 tháng + 1.433.790 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 03 ngày] = 348.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/12/2017 đến ngày 04/5/2020 là 02 năm 05 tháng 03 ngày = [40.000.000 đồng x 15%/năm x 02 năm + 40.000.000 đồng x (15%/năm : 12 tháng) x 05 tháng + 40.000.000 đồng x (15%/năm : 365 ngày) x 03 ngày] = 14.549.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của số tiền 70.000.000 đồng tiền gốc vay ngày 10/8/2017 là 16.331.000 đồng.

[3.2] Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng vay ngày 09/11/2017:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả từ ngày 09/11/2017 đến ngày 31/12/2017 là 01 tháng 22 ngày = [50.000.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 01 tháng + 50.000.000 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 22 ngày] = 718.000 đồng.

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 04/5/2020 là 02 năm 04 tháng 3 ngày = [718.000 đồng x 10%/năm x 02 năm + 718.000 đồng x (10%/năm : 12 tháng) x 04 tháng + 718.000 đồng x (10%/năm : 365 ngày) x 3 ngày] = 168.123 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả từ ngày 01/01/2018 đến ngày 04/5/2020 là 02 năm 04 tháng 03 ngày = [50.000.000 đồng x 15%/năm x 02 năm + 50.000.000 đồng x (15%/năm : 12 tháng) x 04 tháng + 50.000.000 đồng x (15%/năm : 365 ngày) x 03 ngày] = 17.561.644 đồng.

Tổng số tiền lãi của số tiền 50.000.00 đồng tiền gốc vay ngày 09/11/2017 là 18.448.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 16.331.000đ + 18.448.000đ = 34.779.000 đồng.

[3.3] Bị đơn khai đã trả cho nguyên đơn được 24.500.000 đồng tiền lãi của hai khoản vay trên, một lần là vào tháng 02 năm 2008 trả 02 triệu, còn lại trả lắc nhắc nhiều lần là 22.500.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng mình nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 4.500.000 đồng tiền lãi nên cần khấu trừ số tiền này vào số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Vì vậy, cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi còn lại là 34.779.000 - 4.500.000 đồng = 30.279.000 đồng.

[3.4] Về tiền lãi của số tiền 135.000.000 đồng ngày 26/9/2019 do nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Th được Tòa án chấp nhận nên bà H D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H D Kpơr là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 5, Điều 6 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp

dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th.

- Buộc bà H D Kpơr có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Th tổng số tiền là 255.279.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng), trong đó gồm 225.000.000 đồng tiền gốc và 30.279.000 đồng tiền lãi.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 6.890.000đ (sáu triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0006995 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà H D Kpơr được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định